

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 179/2024/HS-ST

Ngày: 08/08/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Nguyễn Minh Sơn

+ Ông Nguyễn Văn Mặc Vũ

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Trung Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Đăng Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 204/2024/TLST - HS ngày 09 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2024 đối với:

- Bị cáo:

Họ và tên: **Hoàng Thị Thanh T**, sinh ngày: 01/7/1986, tại: H. Nơi ĐKKHKT: số x đường Y, Phường z, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.住所: số x đường Y, Phường z, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: nội trợ; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Hoàng Vĩnh N, sinh năm 1950; Con bà: Phan Thị Th, sinh năm: 1955; Chồng: Phạm Đình L, sinh năm 1978, có 04 người con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2021.

Tiền án; Tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại tại số x đường Y, Phường z, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn HT, sinh năm: 1984

Địa chỉ: số A đường TT, phường N, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt tại phiên tòa.

+ Ông Phạm Đình L, sinh năm: 1978

Địa chỉ: số B đường L, Phường z, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

+ Bà Nguyễn Ngọc Hồng Th , sinh năm: 1984

Địa chỉ: số C tổ D, khu phố E, phường H, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt tại phiên tòa.

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn HT:**

Luật sư Trương Quốc Trung – Văn phòng Luật sư Trương Thành thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương. Địa chỉ: số 283/13 đường Phạm Ngọc Thạch, phường H, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Hoàng Thị Thanh T và ông Nguyễn HT có mối quan hệ quen biết từ trước, do cần vốn để kinh doanh nên từ tháng 11/2022 đến tháng 6/2023, ông HT đã có 16 lần vay tiền với lãi suất cao của Hoàng Thị Thanh T, hình thức cho vay là vay lãi đứng (không xác định thời hạn vay, chỉ trả tiền lãi đến khi trả xong tiền gốc). Việc thỏa thuận cho vay, thu lãi các bên trao đổi bằng điện thoại di động và tin nhắn tại ứng dụng Zalo; việc giao, nhận tiền trả lãi được thực hiện thông qua tài khoản ngân hàng của ông Nguyễn HT và bà Nguyễn Ngọc Hồng Đ (vợ ông Nguyễn HT) với T. Cụ thể từng khoản vay như sau:

Lần thứ 1: Ngày 11/11/2022, ông HT vay của T số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 21%/tháng (tương đương 252%/năm), 30 ngày trả lãi một lần với số tiền 63.000.000 đồng cho đến khi trả xong tiền gốc. Lần vay này 02 bên thỏa thuận không viết giấy vay tiền mà chỉ thỏa thuận trên tài khoản Zalo. Số tiền vay ông HT thực nhận từ bị can T là 237.000.000 đồng (do đã trừ trước 01 tháng tiền lãi với số tiền là 63.000.000 đồng) bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản số 5406205171816 mở tại Ngân hàng Agribank của Hoàng Thị Thanh T đến tài khoản số 094466200 mở tại Ngân hàng Sacombank của ông HT. Đối với khoản vay này ông HT đã trả cho bị can T tổng cộng 426.000.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 300.000.000 đồng và số tiền lãi là 126.000.000 đồng). Số tiền thu lợi bất chính là 116.000.000 đồng (lãi hợp pháp 10.000.000 đồng và lãi bất hợp pháp 106.000.000 đồng).

Lần 2: Ngày 12/11/2022, ông HT tiếp tục vay của T số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 21%/tháng (tương đương 252%/năm), 30 ngày trả lãi một lần với số tiền 21.000.000 đồng cho đến khi trả xong tiền gốc. Số tiền vay ông HT thực nhận từ T là 79.000.000 đồng (do đã trừ trước 01 tháng tiền lãi với số tiền là 21.000.000 đồng) bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng. Đối với khoản vay này ông HT đã trả cho T tổng cộng 142.000.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 100.000.000 đồng và số tiền lãi là 42.000.000 đồng). Số tiền thu lợi bất chính là 38.666.667 đồng (lãi hợp pháp 3.333.333 đồng và lãi bất hợp pháp 38.666.667 đồng).

Lần 3: Ngày 15/11/2022, ông HT tiếp tục vay của T số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 24%/tháng (tương đương 288%/năm), 30 ngày trả lãi một lần với số tiền 36.000.000 đồng cho đến khi trả xong tiền gốc. Số tiền vay ông HT thực nhận từ T là 114.000.000 đồng (do đã trừ trước 01 tháng tiền lãi với số tiền là 36.000.000 đồng) bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng. Đối với khoản vay này ông HT đã trả cho T tổng cộng 222.000.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 150.000.000 đồng và số tiền lãi là 72.000.000 đồng). Số tiền thu lợi bất chính là 67.000.000 đồng (lãi hợp pháp 5.000.000 đồng và lãi bất hợp pháp 62.000.000 đồng).

Lần 4: Ngày 22/11/2022, ông HT tiếp tục vay của T số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 21%/tháng (tương đương 252%/năm), 30 ngày trả lãi một lần với số tiền 31.500.000 đồng cho đến khi trả xong tiền gốc. Số tiền vay ông HT thực nhận từ T là 118.500.000 đồng (do đã trừ trước 01 tháng tiền lãi với số tiền là 31.500.000 đồng) bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng. Đối với khoản vay này ông HT đã trả cho T tổng cộng 181.500.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 150.000.000 đồng và số tiền lãi là 31.500.000 đồng). Số tiền thu lợi bất chính là 26.500.000 đồng (lãi hợp pháp 5.000.000 đồng và lãi bất hợp pháp 21.500.000 đồng).

Lần 5: Ngày 01/12/2022, ông HT tiếp tục vay của T số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 23,5%/tháng (tương đương 282%/năm), 30 ngày trả lãi một lần với số tiền 47.000.000 đồng cho đến khi trả xong tiền gốc. Số tiền vay ông HT thực nhận từ T là 153.000.000 đồng (do đã trừ trước 01 tháng tiền lãi với số tiền là 47.000.000 đồng) bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng. Đối với khoản vay này ông HT đã trả cho T tổng cộng 294.000.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 200.000.000 đồng và số tiền lãi là 94.000.000 đồng). Số tiền thu lợi bất chính là 87.333.333 đồng (lãi hợp pháp 6.666.667 đồng và lãi bất hợp pháp 80.666.666 đồng).

Lần 6: Ngày 17/12/2022, ông HT tiếp tục vay của T số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 20%/tháng (tương đương 240%/năm), 30 ngày trả lãi một lần với số tiền 40.000.000 đồng cho đến khi trả xong tiền gốc. Số tiền vay ông HT thực nhận từ T là 160.000.000 đồng (do đã trừ trước 01 tháng tiền lãi với số tiền là 40.000.000 đồng) bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng. Đối với khoản vay này ông HT đã trả cho bị can T tổng cộng 240.000.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 200.000.000 đồng và số tiền lãi là 40.000.000 đồng). Số tiền thu lợi bất chính là 33.333.333 đồng (lãi hợp pháp 6.666.667 đồng và lãi bất hợp pháp 26.666.666 đồng).

Lần 7: Ngày 10/02/2023, ông HT tiếp tục vay của T số tiền gốc 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 24%/tháng (tương đương 288%/năm), 30 ngày trả lãi một lần với số tiền 48.000.000 đồng cho đến khi trả xong tiền

gốc. Số tiền vay ông HT thực nhận từ bị can T là 152.000.000 đồng (do đã trừ trước 01 tháng tiền lãi với số tiền là 48.000.000 đồng) bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng. Đối với khoản vay này ông HT đã trả cho bị can T 05 tháng tiền lãi với số tiền là 240.000.000 đồng, hiện vẫn còn nợ số tiền gốc đã vay là 200.000.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là: 223.333.333 đồng (lãi hợp pháp 16.666.667 đồng và lãi bất hợp pháp 206.666.666 đồng).

Lần 8: Ngày 17/02/2023, ông HT tiếp tục vay của T số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 21%/tháng (tương đương 252%/năm), 30 ngày trả lãi một lần với số tiền 42.000.000 đồng cho đến khi trả xong tiền gốc. Số tiền vay ông HT thực nhận từ T là 158.000.000 đồng (do đã trừ trước 01 tháng tiền lãi với số tiền là 42.000.000 đồng) bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng. Đối với khoản vay này ông HT đã trả cho T 05 tháng tiền lãi với số tiền là 210.000.000 đồng, hiện vẫn còn nợ số tiền gốc đã vay là 200.000.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là: 193.333.333 đồng (lãi hợp pháp 16.666.667 đồng và lãi bất hợp pháp 176.666.666 đồng).

Lần 9: Ngày 18/02/2023, ông HT tiếp tục vay của bị can T số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 21%/tháng (tương đương 252%/năm), 30 ngày trả lãi một lần với số tiền 42.000.000 đồng cho đến khi trả xong tiền gốc. Số tiền vay ông HT thực nhận từ T là 158.000.000 đồng (do đã trừ trước 01 tháng tiền lãi với số tiền là 42.000.000 đồng) bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng. Đối với khoản vay này ông HT đã trả cho T 05 tháng tiền lãi với số tiền là 210.000.000 đồng, hiện vẫn còn nợ số tiền gốc đã vay là 200.000.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là: 193.333.333 đồng (lãi hợp pháp 16.666.667 đồng và lãi bất hợp pháp 176.666.666 đồng).

Lần 10: Ngày 10/3/2023, ông HT tiếp tục vay của T số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 21%/tháng (tương đương 252%/năm), 30 ngày trả lãi một lần với số tiền 21.000.000 đồng cho đến khi trả xong tiền gốc. Số tiền vay ông HT thực nhận từ T là 79.000.000 đồng (do đã trừ trước 01 tháng tiền lãi với số tiền là 21.000.000 đồng) bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng. Đối với khoản vay này ông HT đã trả cho T 04 tháng tiền lãi với số tiền là 84.000.000 đồng, hiện vẫn còn nợ số tiền gốc đã vay là 100.000.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là: 77.333.333 đồng (lãi hợp pháp 6.666.667 đồng và lãi bất hợp pháp 70.666.666 đồng).

Lần 11: Ngày 01/4/2023, ông HT tiếp tục vay của T số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 20,33%/tháng (tương đương 243,96%/năm), 30 ngày trả lãi một lần với số tiền 30.500.000 đồng cho đến khi trả xong tiền gốc. Số tiền vay ông HT thực nhận từ T là 118.500.000 đồng (do đã trừ trước 01 tháng tiền lãi với số tiền là 30.500.000 đồng) bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng. Đối với khoản vay này ông HT đã trả cho bị can T 04 tháng tiền lãi với số tiền là

122.000.000 đồng, hiện vẫn còn nợ số tiền gốc đã vay là 150.000.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là: 112.000.000 đồng (lãi hợp pháp 10.000.000 đồng và lãi bất hợp pháp 102.000.000 đồng).

Lần 12: Ngày 20/4/2023, ông HT tiếp tục vay của T số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 20,33%/tháng (tương đương 243,96%/năm), 30 ngày trả lãi một lần với số tiền 30.500.000 đồng cho đến khi trả xong tiền gốc. Số tiền vay ông HT thực nhận từ T là 118.500.000 đồng (do đã trừ trước 01 tháng tiền lãi với số tiền là 30.500.000 đồng) bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng. Đối với khoản vay này ông HT đã trả cho cho T 03 tháng tiền lãi với số tiền là 91.500.000 đồng, hiện vẫn còn nợ số tiền gốc đã vay là 150.000.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là: 81.500.000 đồng (lãi hợp pháp 10.000.000 đồng và lãi bất hợp pháp 71.500.000 đồng)

Lần 13: Ngày 03/6/2023, ông HT tiếp tục vay của T số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 48%/tháng (tương đương 576%/năm), 05 ngày trả lãi một lần với số tiền 8.000.000 đồng cho đến khi trả xong tiền gốc. Số tiền vay ông HT thực nhận từ bị can T là 92.000.000 đồng (do đã trừ trước 05 ngày tiền lãi với số tiền là 8.000.000 đồng) bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng. Đối với khoản vay này, ông HT đã trả cho cho T số tiền là 108.000.000 đồng (trong đó có 100.000.000 đồng tiền gốc và 8.000.000 đồng là tiền lãi). Số tiền thu lợi bất chính là: 7.722.222 đồng (lãi hợp pháp 277.778 đồng và lãi bất hợp pháp 7.444.444 đồng).

Lần thứ 14: Ngày 08/6/2023, ông HT tiếp tục vay của T số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 100%/tháng (tương đương 1200%/năm), 05 ngày trả lãi một lần với số tiền 25.000.000 đồng cho đến khi trả xong tiền gốc. Số tiền vay ông HT thực nhận từ bị can T là 48.000.000 đồng (do đã trừ trước 05 ngày tiền lãi với số tiền là 25.000.000 đồng và 21.000.000 đồng của lần vay trước) bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng. Đối với khoản vay này, ông HT đã trả cho cho T số tiền là 175.000.000 đồng (trong đó có 150.000.000 đồng tiền gốc và 25.000.000 đồng là tiền lãi). Số tiền thu lợi bất chính là: 24.583.333 đồng (lãi hợp pháp 416.667 đồng và lãi bất hợp pháp 24.166.666 đồng)

Lần 15: Ngày 15/6/2023, ông HT tiếp tục vay của T số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 60%/tháng (tương đương 720%/năm), 05 ngày trả lãi một lần với số tiền 20.000.000 đồng cho đến khi trả xong tiền gốc. Số tiền vay ông HT thực nhận từ T là 180.000.000 đồng (do đã trừ trước 05 ngày tiền lãi với số tiền là 20.000.000 đồng) bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng. Đối với khoản vay này, ông HT đã trả cho cho T số tiền là 240.000.000 đồng (trong đó có 200.000.000 đồng tiền gốc và 40.000.000 đồng là tiền lãi). Số tiền thu lợi bất

chính là: 38.888.889 đồng (lãi hợp pháp 1.111.111 đồng và lãi bất hợp pháp 37.777.778 đồng).

Lần 16: Ngày 24/6/2023, ông HT tiếp tục vay của T số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 60%/tháng (tương đương 720%/năm), 05 ngày trả lãi một lần với số tiền 20.000.000 đồng cho đến khi trả xong tiền gốc. Số tiền vay ông HT thực nhận từ T là 180.000.000 đồng (do đã trừ trước 05 ngày tiền lãi với số tiền là 20.000.000 đồng) bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng. Đối với khoản vay này, ông HT đã trả cho T số tiền là 217.000.000 đồng (trong đó có 100.000.000 đồng tiền gốc và 117.000.000 đồng là tiền lãi). Số tiền thu lợi bất chính là: 115.888.889 đồng (lãi hợp pháp 1.111.111 đồng và lãi bất hợp pháp 114.777.778 đồng). Số tiền gốc còn nợ lại là 100.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: 01 tập tài liệu là ảnh chụp màn hình điện thoại giao diện tin nhắn Zalo giữa Nguyễn HT và Hoàng Thị Thanh T về việc trao đổi vay tiền, trả lãi.

Tại cáo trạng số 215/CT-VKSĐL ngày 08/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ truy tố bị cáo Hoàng Thị Thanh T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa,

Bị cáo không khiếu nại bản cáo trạng và khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

- Áp dụng Khoản 2 Điều 201; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 35 của Bộ luật hình sự, xử phạt Hoàng Thị Thanh T từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị truy thu sung công quỹ nhà nước số tiền gốc 2.750.000.000 đồng mà bị cáo sử dụng để phạm tội và số tiền lãi hợp pháp là 116.250.000 đồng đã thu của người vay tiền, gồm:

- + Truy thu của bị cáo Hoàng Thị Thanh T số tiền 1.650.000.000 đồng tiền gốc đã thu lại của người vay tiền và số tiền lãi hợp pháp là 116.250.000 đồng đã thu của người vay tiền để sung công quỹ nhà nước (Tổng số tiền phải truy thu của bị cáo là 1.766.250.000 đồng);

- + Truy thu số tiền gốc 1.100.000.000 đồng mà người liên quan Nguyễn HT chưa trả lại cho bị cáo;

- + Buộc bị cáo T trả lại số tiền lãi vượt mức quy định của pháp luật là 1.436.750.000 đồng cho người liên quan Nguyễn HT.

Về xử lý vật chứng: đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Đề nghị buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Những người liên quan Nguyễn HT và Nguyễn Ngọc Hồng Th vắng mặt tại phiên tòa, hồ sơ vụ án thể hiện ông HT, bà Thảo đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Người liên quan là ông Phạm Đình L có mặt tại phiên tòa, không có ý kiến tranh luận với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn HT trình bày tranh luận: quá trình điều tra và tại phiên tòa, thể hiện ông Phạm Đình L có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo do tài khoản của ông L có nhận tiền từ ông HT chuyển, bị cáo khai dùng một phần tiền lãi để chi phí sinh hoạt trong gia đình do đó đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc ông L có trách nhiệm liên đới với bị cáo trong việc trả lại số tiền lãi bất hợp pháp cho ông HT.

Đại diện Viện Kiểm sát: trong HT bộ quá trình điều tra đều thể hiện nội dung ông L không biết, không tham gia vào quá trình bị cáo cho ông HT vay tiền, bị cáo không dùng số tiền thu lợi bất chính để chi phí sinh hoạt chính trong gia đình mà dùng để cho ông HT vay tiếp các khoản sau. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của luật sư.

Ông Phạm Đình L: hàng tháng tôi vẫn chuyển tiền lương để cho vợ tôi chi phí sinh hoạt trong gia đình, tôi không biết việc vợ tôi cho vay để thu lợi bất chính, tôi cũng không hưởng lợi gì trong số tiền vợ tôi thu tiền lãi từ ông HT.

Lời nói sau cùng của bị cáo tại phiên tòa: Bị cáo ăn năn hối hận và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến thắc mắc hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã được tiến hành đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và tình tiết định khung hình phạt: bị cáo là người đã trưởng thành và biết rõ việc thông qua giao dịch dân sự để cho vay với lãi suất lớn hơn 05 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là hành vi trái pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

Từ ngày 11 tháng 12 năm 2022 đến ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại thành phố Đ, Hoàng Thị Thanh T đã cho ông Nguyễn HT vay 16 lần tiền với lãi suất

vượt quá 05 lần mức lãi suất được quy định của Bộ luật Dân sự với mức từ 20% đến 100%/tháng/khoản vay (tương đương 240% - 1200%/năm/khoản vay). Tổng số tiền T cho ông HT vay là 2.750.000.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 1.436.750.000 đồng.

Đối chiếu lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản đối chất, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Hoàng Thị Thanh T phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Quá trình điều tra còn xác định ngoài những lần vay tiền đã nêu ở trên thì vào ngày 20/12/2022, ông Nguyễn HT có vay của Hoàng Thị Thanh T số tiền 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại lần vay này ông HT và T không tính lãi suất và ông HT chỉ trả cho T số tiền gốc đã vay là 100.000.000 đồng, nên T không thu lợi bất chính.

Đối với ông Phạm Đình L (chồng của bị cáo T) là người đã cho bị cáo T mượn tài khoản ngân hàng để nhận tiền lãi từ ông HT chuyển cho T. Quá trình điều tra xác định thời điểm T mượn số tài khoản của ông L để đưa cho ông HT chuyển tiền lãi là do tài khoản ngân hàng của T bị lỗi, ngay sau khi nhận tiền chuyển vào tài khoản thì ông L đã giao lại cho bị cáo T, ông L không biết việc T cho ông HT vay tiền với lãi suất cao nên không có căn cứ để xử lý đối với ông L.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo phạm tội nhiều lần nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Thành khẩn khai báo*” theo quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[4] Về quyết định hình phạt:

Xét thấy, hiện nay hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đang có xu hướng gia tăng và lan rộng, là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác, gây mất an ninh trật tự, mất ổn định xã hội, ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân. Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ gây ảnh hưởng trực tiếp tới quyền và lợi ích hợp pháp của người vay tiền mà còn xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ nên cần thiết phải xử phạt nghiêm minh, tương xứng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

Xét bị cáo phạm tội không thuộc trường hợp có tính chất chuyên nghiệp, không phải hoạt động cho vay dưới hình thức băng, ổ nhóm nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù mà áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[5] Về biện pháp tư pháp:

- Đối với số tiền gốc bị cáo bỏ ra để cho vay mà người vay đã trả và tiền lãi hợp pháp bị cáo đã thu của người vay: đây là số tiền sử dụng vào việc phạm tội và tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định nên buộc bị cáo nộp lại số tiền này để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền lãi vượt quá quy định mà bị cáo đã thu của người vay thì buộc bị cáo trả lại cho người vay tiền.

- Đối với số tiền gốc mà người vay chưa trả cho các bị cáo, đây là khoản tiền bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên buộc người vay nộp lại để sung vào ngân sách nhà nước.

[6] Về xử lý vật chứng: Lưu vào hồ sơ vụ án HT bộ vật chứng đã thu giữ (đã lưu vào hồ sơ vụ án).

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: bị cáo Hoàng Thị Thanh T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng Khoản 2 Điều 201; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Thanh T: 400.000.000^d (*Bốn trăm triệu đồng*).

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự, tuyên:

2.1. Buộc bị cáo Hoàng Thị Thanh T phải nộp lại 1.650.000.000^d (*Một tỷ sáu trăm năm mươi đồng*) tiền gốc đã thu lại của người vay tiền và 116.250.000^d (*Một trăm mười sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) là số tiền lãi hợp pháp đã thu của người vay.

Tổng số tiền phải bị cáo phải nộp là 1.766.250.000^d (*Một tỷ bảy trăm sáu mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) để sung vào ngân sách nhà nước.

2.2. Buộc bị cáo Hoàng Thị Thanh T phải trả lại cho ông Nguyễn HT số tiền 1.436.750.000^d (*Một tỷ bốn trăm ba mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

2.3. Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn HT phải nộp lại số tiền còn nợ của bị cáo là 1.100.000.000^d (*Một tỷ một trăm triệu đồng*) để sung vào ngân sách nhà nước.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về việc áp dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải nộp 200.000^d (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo và ông Phạm Đình L có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai. Người liên quan chỉ được quyền kháng cáo phần có liên quan.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng PV06 Công an tỉnh Lâm Đồng;
- Công an thành phố Đ;
- Chi cục Thi hành án thành phố Đ;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Bộ phận thi hành án hình sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Văn Bình